

Số: /QĐ-SYT Hoà Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật, cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt danh mục kỹ thuật lần đầu đối với Phòng khám Răng hàm mặt Pha Lê (thuộc hộ kinh doanh Nha khoa Pha Lê)

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế về việc Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế về việc Ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BYT ngày 30/01/2019 về việc Ban hành nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 115/KCB-QLCL&CDT ngày 01/02/2019 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 384/QĐ-BYT;

Căn cứ Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Hòa Bình;

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp Giấy phép hoạt động đối Phòng khám Răng hàm mặt Pha Lê (thuộc hộ kinh doanh Nha khoa Pha Lê) ngày 22/01/2025;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 296/HB-GPHĐ do Giám đốc Sở Y tế cấp cho Phòng khám Răng hàm mặt Pha Lê (thuộc hộ kinh doanh Nha khoa Pha Lê) ngày 22/01/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật chuyên môn gồm 177 kỹ thuật được phép thực hiện tại Phòng khám Răng hàm mặt Pha Lê (thuộc hộ kinh doanh Nha khoa Pha Lê) do bà Phan Thanh Huyền là người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của Phòng khám (*có danh mục cụ thể kèm theo*).

Điều 2. Phòng khám Răng hàm mặt Pha Lê (thuộc hộ kinh doanh Nha khoa Pha Lê) thuộc cấp chuyên môn kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, có mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh là: **17338**.

Phòng khám Răng hàm mặt Pha Lê phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động, danh mục kỹ thuật chuyên môn của Sở Y tế phê duyệt và thực hiện đúng các quy trình, quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông/Bà: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính; Trưởng phòng Nghiệp vụ Y; Chánh Thanh tra Sở Y tế; chủ Phòng khám Răng hàm mặt Pha Lê, người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của phòng khám và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD Sở; (để b/c)
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quốc Tiến

**DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT LẦN ĐẦU CỦA
PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT PHA LÊ**

Chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: BSCK Phan Thanh Huyền

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày / /2025 của Giám đốc Sở
Y tế tỉnh Hòa Bình)

Danh mục kỹ thuật chuyên môn gồm 177 kỹ thuật

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	3.1726	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
2	3.1727	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
3	3.1728	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
4	3.1729	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
5	3.1758	03. NHI KHOA	Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ cố định
6	3.1759	03. NHI KHOA	Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ cố định
7	3.1760	03. NHI KHOA	Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ cố định
8	3.1762	03. NHI KHOA	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
9	3.1763	03. NHI KHOA	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
10	3.1764	03. NHI KHOA	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
11	3.1765	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
12	3.1766	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng cố định
13	3.1767	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Headgear
14	3.1768	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh dùng lực ngoài miệng sử dụng Facemask

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
15	3.1770	03. NHI KHOA	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
16	3.1772	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
17	3.1773	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
18	3.1774	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng MicroImplant
19	3.1775	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định
20	3.1776	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng ngàm sử dụng khí cụ cố định
21	3.1777	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
22	3.1778	03. NHI KHOA	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
23	3.1779	03. NHI KHOA	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
24	3.1780	03. NHI KHOA	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
25	3.1782	03. NHI KHOA	Làm dài thân răng lâm sàng bằng khí cụ cố định
26	3.1783	03. NHI KHOA	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
27	3.1784	03. NHI KHOA	Gắn cố định mắc cài sử dụng chất gắn quang trùng hợp
28	3.1785	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài gián tiếp mặt trong
29	3.1786	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài gián tiếp mặt ngoài
30	3.1787	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài tự buộc
31	3.1788	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng sử dụng mắc cài trực tiếp mặt ngoài
32	3.1791	03. NHI KHOA	Đóng khoảng răng bằng khí cụ cố định
33	3.1792	03. NHI KHOA	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
34	3.1833	03. NHI KHOA	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
35	3.1836	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) kết hợp Composite
36	3.1841	03. NHI KHOA	Phục hồi cổ răng bằng Composite có sử dụng laser
37	3.1842	03. NHI KHOA	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay Composite
38	3.1843	03. NHI KHOA	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng có sử dụng chốt chân răng bằng nhiều vật liệu khác nhau
39	3.1844	03. NHI KHOA	Veneer Composite trực tiếp
40	3.1845	03. NHI KHOA	Chụp tủy bằng MTA
41	3.1846	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
42	3.1848	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha có sử dụng trâm xoay máy
43	3.1849	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
44	3.1850	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy
45	3.1851	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
46	3.1852	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
47	3.1853	03. NHI KHOA	Điều trị tủy lại
48	3.1855	03. NHI KHOA	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma
49	3.1857	03. NHI KHOA	Tẩy trắng răng nội tủy
50	3.1858	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
51	3.1859	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
52	3.1861	03. NHI KHOA	Chụp thép
53	3.1862	03. NHI KHOA	Chụp sứ kim loại thường
54	3.1863	03. NHI KHOA	Chụp thép cần nhựa
55	3.1864	03. NHI KHOA	Cầu nhựa
56	3.1865	03. NHI KHOA	Cầu thép
57	3.1866	03. NHI KHOA	Cầu thép cần nhựa
58	3.1867	03. NHI KHOA	Cầu sứ kim loại thường
59	3.1868	03. NHI KHOA	Cùi đúc kim loại thường
60	3.1870	03. NHI KHOA	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa dẻo
61	3.1871	03. NHI KHOA	Hàm giả tháo lắp toàn bộ nhựa dẻo
62	3.1872	03. NHI KHOA	Hàm khung kim loại
63	3.1873	03. NHI KHOA	Hàm khung Titanium
64	3.1882	03. NHI KHOA	Veneer Composite gián tiếp
65	3.1883	03. NHI KHOA	Veneer sứ
66	3.1894	03. NHI KHOA	Tháo cầu răng giả
67	3.1897	03. NHI KHOA	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm
68	3.1898	03. NHI KHOA	Máng nâng khớp cắn
69	3.1899	03. NHI KHOA	Gắn band
70	3.1901	03. NHI KHOA	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
71	3.1902	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ chức năng tháo lắp

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
72	3.1903	03. NHI KHOA	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
73	3.1904	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
74	3.1905	03. NHI KHOA	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
75	3.1906	03. NHI KHOA	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
76	3.1909	03. NHI KHOA	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
77	3.1910	03. NHI KHOA	Điều trị thói quen xấu mút môi sử dụng khí cụ tháo lắp
78	3.1911	03. NHI KHOA	Điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi sử dụng khí cụ tháo lắp
79	3.1912	03. NHI KHOA	Điều trị thói quen xấu mút ngón tay sử dụng khí cụ tháo lắp
80	3.1913	03. NHI KHOA	Điều trị thói quen xấu thở miệng sử dụng khí cụ tháo lắp
81	3.1914	03. NHI KHOA	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
82	3.1915	03. NHI KHOA	Nhổ chân răng vĩnh viễn
83	3.1916	03. NHI KHOA	Nhổ răng thừa
84	3.1917	03. NHI KHOA	Nhổ răng vĩnh viễn
85	3.1922	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)
86	3.1923	03. NHI KHOA	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
87	3.1924	03. NHI KHOA	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
88	3.1925	03. NHI KHOA	Liên kết cố định răng lung lay bằng Composite
89	3.1927	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
90	3.1928	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh răng
91	3.1929	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
92	3.1930	03. NHI KHOA	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)
93	3.1931	03. NHI KHOA	Phục hồi cổ răng bằng Composite
94	3.1932	03. NHI KHOA	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
95	3.1933	03. NHI KHOA	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi {Ca(OH) ₂ }
96	3.1934	03. NHI KHOA	Máng hở mặt nhai
97	3.1935	03. NHI KHOA	Mài chỉnh khớp cắn
98	3.1936	03. NHI KHOA	Tháo chụp răng giả
99	3.1937	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement (GiC) hóa trùng hợp
100	3.1938	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement (GiC) quang trùng hợp
101	3.1939	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
102	3.1940	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
103	3.1941	03. NHI KHOA	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
104	3.1942	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
105	3.1943	03. NHI KHOA	Lấy tủy buồng răng sữa
106	3.1944	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng sữa
107	3.1945	03. NHI KHOA	Điều trị đóng cuống răng bằng Ca(OH) ₂
108	3.1946	03. NHI KHOA	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
109	3.1947	03. NHI KHOA	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
110	3.1948	03. NHI KHOA	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
111	3.1949	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
112	3.1950	03. NHI KHOA	Hàn răng không sang chấn với Glassionomer Cement (GiC)
113	3.1952	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite
114	3.1953	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)
115	3.1954	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)
116	3.1955	03. NHI KHOA	Nhổ răng sữa
117	3.1956	03. NHI KHOA	Nhổ chân răng sữa
118	3.1957	03. NHI KHOA	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
119	3.1958	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi trẻ em
120	3.1959	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi trẻ em
121	3.1960	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi
122	3.1961	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi do mọc răng
123	3.1962	03. NHI KHOA	Máng chống nghiêng răng
124	3.1963	03. NHI KHOA	Sửa hàm giả gãy
125	3.1964	03. NHI KHOA	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
126	3.1965	03. NHI KHOA	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
127	3.1966	03. NHI KHOA	Đệm hàm giả nhựa thường
128	3.1967	03. NHI KHOA	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
129	3.1968	03. NHI KHOA	Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa thường
130	3.1969	03. NHI KHOA	Hàm giả tháo lắp toàn bộ nhựa thường
131	3.1970	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
132	3.1972	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)
133	3.1973	03. NHI KHOA	Chụp nhựa
134	3.1974	03. NHI KHOA	Lấy cao răng 2 hàm (Các kỹ thuật)
135	3.2069	03. NHI KHOA	Nắn sai khớp thái dương hàm
136	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
137	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
138	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
139	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
140	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
141	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
142	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
143	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
144	16.73	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
145	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
146	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
147	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
148	16.79	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống có sử dụng đèn Plasma
149	16.81	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng nội tủy
150	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
151	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
152	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
153	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
154	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
155	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
156	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
157	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
158	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
159	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
160	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
161	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
162	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
163	16.135	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng hờ mặt nhai
164	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
165	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
166	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
167	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
168	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
169	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
170	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
171	16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
172	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
173	16.145	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
174	16.146	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
175	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
176	16.194	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng điều trị đau khớp thái dương hàm
177	16.195	16. RĂNG HÀM MẶT	Máng nâng khớp cắn